KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ THIẾT LẬP VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1.Kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Nhiều kinh nghiệm mang tính kỹ thuật pháp lý có thể khai thác từ quá trình giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Song xét trên góc độ hội nhập kinh tế quốc tế, thiết lập cơ chế tác động đến phạm vi quốc tế và do đó tác động tới quan hệ lợi ích của các quốc gia đang phát triển trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, trong đó có Việt Nam thì kinh nghiệm của Hoa Kỳ có thể thấy được ở khía cạnh sau:

a) Thống nhất nhận thức về bảo hộ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong môi trường cạnh tranh quốc tế:

Những mối quan tâm về tài sản trí tuệ và thực hiện lợi ích từ các tài sản đó trong giới chức Chính phủ Hoa Kỳ về sự cần thiết phải có các quyền tài sản mạnh mẽ hơn để bảo vệ tư tưởng và công nghiệp nước này khỏi bị xâm phạm đã sớm tìm được sự hưởng ứng từ những năm 1980.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ nổi lên như một nền kinh tế hùng mạnh nhất thế giới. Tuy nhiên, thắng lợi của ngành chế tạo Nhật Bản những thập kỷ giữa thế kỷ XX, được coi như là một dấu hiệu báo trước về sự phát triển vượt bậc của quốc gia này bước ra thế giới với tư cách là một nước bắt chước trở thành cường quốc về sức sáng tạo. Nhiều bí quyết công nghệ mà Hoa Kỳ đã chuyển giao cho Nhật Bản nay trở thành những vũ khí cạnh tranh lại chính Hoa Kỳ, nhiều công dân Hoa Kỳ đã bị mất việc làm. Trong những cố gắng đưa ra để trấn an người dân, một quan điểm dân tộc chủ nghĩa đã nổi lên những năm 1980 và nhanh chóng thu được sự ủng hộ của các giới trong xã hội, rằng tài sản trí tuệ được bảo hộ tốt hơn có nghĩa là thêm việc làm mới cho công dân Hoa Kỳ và sẽ khôi phục lại cán cân thương mại thặng dư với thế giới. Kết quả của nỗ lực đó là Hoa Kỳ đã thiết lập được một hệ thống quan hệ lợi ích về sở hữu trí tuệ dần trở nên đặc biệt hoàn hảo. Về quan hệ lợi ích đối ngoại thì chi phối thế giới; về đối

TTBD DBDC

nội thì tạo ra sự gắn bó mật thiết về lợi ích giữa các trường đại học với hệ thống doanh nghiệp.

Việc thống nhất nhận thức và hành động của các giới, đặc biệt là các tập đoàn tư bản và quan chức Chính phủ có ý nghĩa quan trọng trong quốc tế hoá một cách chủ động quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ theo hướng có lợi cho Hoa Kỳ. Mặc dù giới chức Chính phủ bày tỏ sự ủng hộ, các tầng lớp thượng lưu tư bản tập đoàn không thể chỉ giản đơn yêu cầu Chính phủ Hoa Kỳ toàn cầu hoá luật lệ tài sản trí tuệ để tạo điều kiện cho họ thành lập các cácten (liên đoàn các nhà sản xuất cùng một ngành công nghiệp để tăng thế độc quyền, hạn chế cạnh tranh lẫn nhau, kiểm soát giá cả) kiến thức toàn cầu mới, họ còn thuyết phục những người làm chính sách rằng thực thi tài sản trí tuệ là vấn đề duy nhất quan trọng mà kinh tế Hoa Kỳ phải đối diện.

b) Chủ động thiết lập các thể chế quốc tế theo hướng có lợi cho Hoa Kỳ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ:

Trong cơ sở sự thống nhất nhận thức và hành động Hoa Kỳ đã thành lập lực lượng đặc nhiệm phát triển chiến lược tài sản trí tuệ và khai thác chúng.

Lực lượng đặc nhiệm phát triển một chiến lược tài sản trí tuệ trên cơ sở thương mại được thành lập thuộc Uỷ ban cố vấn đàm phán thương mại do Quốc hội Hoa Kỳ thành lập năm 1974 (ACTN). Lực lượng đặc nhiệm thiết lập một chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia của Hoa Kỳ gồm các nội dung cơ bản là:

- Đa phương, phát triển một bộ quy tắc về bảo hộ lợi ích tài sản trí tuệ chứa đựng những tiêu chuẩn ràng buộc tất cả các bên vào thương lượng và xử lý tranh chấp lợi ích.

- Song phương, tiến hành đàm phán song phương với các nước không bảo hộ tài sản trí tuệ một cách thích đánh nhằm đạt được các thoả thuận bảo hộ tốt hơn tại nước đó cho doanh nghiệp Hoa Kỳ.

- Đơn phương, nếu cần thiết, lợi dụng thực tế là nhiều nước đối tác đang buôn bán với Hoa Kỳ, đe doạ hoặc trừng phạt họ nếu các nước đó vẫn không chịu áp dụng các tiêu chuẩn cao hơn về bảo hộ sở hữu trí tuệ cho Hoa Kỳ.

TTBD ĐBDC

Trong giai đoạn một của chiến lược, nhóm đặc nhiệm thực hiện theo dõi nạn hàng giả; phát triển một bộ quy tắc tài sản trí tuệ rộng hơn với các quy trình tối thiểu xử lý tranh chấp lợi ích; chú ý tới sự đối kháng của một số nước phương Nam và coi trọng việc đàm phán một bộ quy tắc về tài sản trí tuệ chung với những nước có hoàn cảnh như nhau; tìm kiếm ban hành một tổng chiến lược về bảo vệ lợi ích sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ với vai trò ứng phó ở thế đi đầu trong quan hệ lợi ích sở hữu trí tuệ thế giới.

Năm 1986, nhóm đặc nhiệm đã đưa ra kiến nghị cho giai đoạn hai, theo đó:

- Một Chiến lược tổng thể về sở hữu trí tuệ được Tổng thống và Nội các ủng hộ;

- Xây dựng sự đồng thuận rộng rãi với các đối tác thương mại lớn và bao quát cả các nước phương Nam;

- Xây dựng đồng thuận cho Chính phủ và khu vực tư nhân tài trợ để lôi cuốn giới chức phương Nam và thành viên hành nghề luật địa phương vào cộng đồng tài sản trí tuệ theo quan điểm của Hoa Kỳ;

- Bổ sung điều khoản đặc biệt cho Điều 301 trong Luật thương mại Hoa Kỳ về quyền trừng phạt của Hoa Kỳ áp dụng cho đối tác bất tuân thủ quan hệ lợi ích tài sản trí tuệ kiểu Mỹ; sử dụng cả quyền bỏ phiếu ngăn chặn của Hoa Kỳ ở Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) để trừng phạt các nước bảo hộ kém tài sản trí tuệ cho Hoa Kỳ khi các nước này yêu cầu tiếp cận nguồn quỹ;

TTBD ĐBDC

- Trở thành thành viên của Công ước Bécnơ (Bern) về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1886 để Hoa Kỳ có tiếng nói mạnh hơn trong Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO);

- Tiếp tục ủng hộ WIPO để lợi dụng kinh nghiệm kỹ thuật phát triển các chế độ tài sản trí tuệ và nguồn lực của WIPO tài trợ các chương trình hỗ trợ kỹ thuật khả dĩ mở mang thiết chế tài sản trí tuệ đến các nước phát triển.

Đạt được một hiệp định đa phương về tài sản trí tuệ có lợi cho lợi ích Hoa Kỳ là mục tiêu có tính nguyên tắc của đàm phán thương mại Hoa Kỳ, dù dưới bất kỳ hình thức nào. Lập trường cơ bản của Hoa Kỳ là "không có bảo hộ tài sản

trí tuệ thì không có vòng đàm phán thương mại", còn ở cấp song phương thì Hoa Kỳ "sẵn sàng vung gậy trừng phạt thương mại" đối với nước nào không thực hiện cải thiện hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ theo hướng bảo hộ hiệu quả cho các chủ thể Hoa Kỳ.

Trong thực tế, cách thức đưa quan hệ lợi ích sở hữu trí tuệ vào thế giới được xây dựng hết sức khôn khéo. Đó là lồng ghép vấn đề sở hữu trí tuệ vào các quan hệ thương mại. Một hệ thống được biết với cái tên Hệ thống ưu đãi tổng quát (GSP) cho phép Hoa Kỳ triển khai phương thức "củ cà rốt và cây gậy" trong luật thương mại Hoa Kỳ. Theo hệ thống này, một số nước được xuất khẩu một số sản phẩm vào Hoa Kỳ sẽ không phải chịu thuế nếu quốc gia đó đã thoả mãn các nguyên tắc về sở hữu trí tuệ với Hoa Kỳ, bằng không hàng hoá đó sẽ khó có cơ hội tham gia thị trường Hoa Kỳ. Vào năm 1984, khoảng 3.000 sản phẩm của 140 quốc gia và lãnh thổ phương Nam là bộ phận của GSP, các nước này lệ thuộc vào sự buôn bán với Hoa Kỳ hơn là Hoa Kỳ cần đến họ .

Điều 301 của Đạo luật thương mại Hoa Kỳ được bổ sung năm 1984 trao cho Tổng thống Hoa Kỳ quyền rút bỏ các lợi ích thương mại của một quốc gia nào đó hoặc áp dụng thuế lên hàng hoá của quốc gia đó nếu không bảo hộ một cách thích đáng và hiệu quả tài sản trí tuệ của Hoa Kỳ. Đại diện Thương mại Hoa Kỳ cũng được trao quyền tự đưa ra một hành động chống lại một nước khác. Hơn nữa, bất kỳ một người quan tâm nào cũng có thể đệ trình một yêu sách yêu cầu Đại diện Thương mại Hoa Kỳ mở một cuộc điều tra theo Điều 301. Năm 1988, Điều 301 đặc biệt (special 301) được đưa thêm các quy trình yêu cầu đại diện thương mại Hoa Kỳ trong thời hạn từ 6 đến 9 tháng phải xác định các nước khước từ bảo hộ thích đáng và hiệu quả các quyền tài sản trí tuệ hoặc chối bỏ quyền sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ để đưa vào diện theo dõi, theo dõi ưu tiên và nước ngoài ưu tiên. Đưa một nước vào danh sách theo dõi là gửi một thông điệp rằng các thông lệ về tài sản trí tuệ của nước đó là không thoả đáng. Nếu nước đó không làm gì để chấm dứt nạn đánh cắp bản quyền thì sẽ bị đưa vào danh sách theo dõi ưu tiên và đương nhiên sẽ bị giáng trả những trừng phạt về lợi ích thương mại. Các nước bị đưa vào diện nước ngoài ưu tiên là những nước có kết quả kém nhất về giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Các nước này nằm trong diện Hoa Kỳ có thể trả đũa.

TTBD DBDC

Vậy là, việc thiết lập quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhằm bảo hộ lợi ích cho các chủ thể Hoa Kỳ đã đi trước thế giới. Kinh nghiệm trình bày ở đây đã mô tả được cách thức một cường quốc xử lý quan hệ lợi ích thuộc phạm vi sở hữu trí tuệ với phần còn lại của thế giới, thông qua đó bảo đảm lợi ích không chỉ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ mà còn là toàn bộ quan hệ kinh tế đối ngoại.

2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Nếu nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ về thiết lập quan hệ lợi ích có lợi cho các chủ thể Hoa Kỳ và do đó tạo ra "luật chơi" của thế giới theo ý tưởng của Hoa Kỳ thì nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc sẽ cho thấy cách ứng phó với luật chơi đó như thế nào để bảo vệ lợi ích quốc gia với tư cách của một nước đang phát triển trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Để ứng phó với "luật chơi" của thế giới về sở hữu trí tuệ, để bảo vệ lợi ích toàn cục của mình, trong thực tế, Trung Quốc đã thiết lập cách đi riêng của mình đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Về chiến lược, Trung Quốc thể hiện quan điểm sẵn sàng hướng tới một chế độ sở hữu trí tuệ mạnh mẽ và hiệu quả. Trong hai thập kỷ qua, nước này đã thực hiện những cải cách mạnh mẽ về hệ thống bảo hộ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, xây dựng và sửa đổi một loạt các văn bản pháp lý liên quan tới chủ đề tài sản trí tuệ như: Luật nhãn hiệu hàng hoá (1993, 2001), Luật bảo hộ sáng chế (1984, 2000), Luật bản quyền (1990, 2001); những luật này có điều chỉnh cả các đối tượng sở hữu trí tuệ mới như bản quyền phần mềm máy tính, bảo hộ giống cây trồng mới, bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp; Luật chống cạnh tranh không lành mạnh (1993) để bảo vệ bí mật thương mại và bí quyết kinh doanh. Bên cạnh việc thực hiện sửa đổi và bổ sung cơ chế thực thi bảo hộ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Trung Quốc còn tiếp tục xây dựng chiến lược tổng thể về sở hữu trí tuệ thể hiện tầm nhìn dài hạn và đã đưa vào các chương trình nghị sự chính trị của đất nước. Theo nội dung chiến lược được soạn thảo ban hành ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ, Trung Quốc thực hiện hơn 20 nội dung chiến lược cụ thể liên quan đến nhiều cơ quan, ban, ngành trong cả nước về vấn đề sở hữu trí tuệ và giải quyết quan hệ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu dài hạn là "đến năm 2020 phát triển

TTBD DBDC

Trung Quốc thành một trong những quốc gia dẫn đầu về sáng tạo, sử dụng, bảo hộ và quản lý về sở hữu trí tuệ". Trong trung hạn, phấn đấu số bằng phát minh sáng chế của Trung Quốc trở thành quốc gia đứng vào hàng ngũ cao nhất của thế giới. Tỷ trọng các ngành sử dụng tài sản trí tuệ của Trung Quốc phải được phát triển nhanh chóng như một phần của nền kinh tế đất nước trong vòng 5 năm tới.

Trong thực tế, về mặt động thái bên trong, những năm trước đây, mặc dù không tuyên bố công khai nhưng việc thực hiện xây dựng hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã không ngừng được Trung Quốc thúc đẩy. Trong tiến trình gia nhập WTO, Trung Quốc thực hiện chiến lược tiếp cận đa diện về bảo hộ sở hữu trí tuệ dựa trên các hệ thống như Hải quan, Toà án, hành chính với phương châm: có thể nhân nhượng trong bàn đàm phán nhưng thực thi cụ thể thì còn tuỳ vào tình hình bởi vì thực thi sở hữu trí tuệ là tốn kém và do đó sẽ là quá mức khi yêu cầu Trung Quốc phải thực thi như các nước phát triển. Đây là kinh nghiệm về ứng xử linh hoạt trong giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Cùng với chiến lược xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi lợi ích, Trung Quốc từng bước thực hiện phát triển nội lực về tài sản trí tuệ nhằm vươn lên vai trò chủ thể sở hữu trí tuệ trong hệ thống quan hệ sở hữu trí tuệ toàn cầu. Hàng loạt chương trình quốc gia về thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện như: Chương trình tia chớp (1986) với mục tiêu tăng cường các khu công nghệ tia chớp; Chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ cao 863 chú trọng vào các lĩnh vực R&D (Research & Development) chiến lược của Trung Quốc; Chương trình "ngọn đuốc" chú trọng phát triển công nghệ cao và nghiên cứu ứng dụng; Chương trình sản phẩm mới quốc gia hỗ trợ cho các nỗ lực R&D đưa đến các sản phẩm công nghệ cao mới, đặc biệt là các sản phẩm dựa trong tài sản trí tuệ mới được chế tạo bằng nội lực trong nước; Chương trình "phổ biến khoa học công nghệ quốc gia 1990" hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc ứng dụng các kết quả R&D để có thể thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ đem lại lợi ích cho chủ thểsở hữu và chủ thể sáng tạo cũng như sử dụng tài sản đó; Chương trình các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản ưu tiên quốc gia thúc đẩy sự phát triển khoa học cơ bản; Chương trình "973" với cách tiếp cận chiến lược, đa ngành và định hướng tương lai, nhằm xác định và thúc đẩy nhu cầu về

TTBD DBDC

R&D cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, phát triển công nghệ cao, các nguồn năng lượng mới.

Thành công của các chương trình này đang đưa lại một vị thế mới cho Trung Quốc về sở hữu tài sản trí tuệ và do đó nhanh chóng chiếm lĩnh được những lợi ích từ tài sản đó thông qua những "luật chơi" của thế giới về lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Nhằm không những bảo đảm lợi ích về sở hữu trí tuệ cho các nhà đầu tư nước ngoài, mà còn để bảo vệ hữu hiệu lợi ích của các chủ thể sở hữu và sử dụng tài sản trí tuệ trong nước ứng với một nền sáng tạo phát triển đang lên, Trung Quốc thực hiện xây đựng một hệ thống các thiết chế thực thi giải quyết những tranh chấp lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Từ năm 1996, Toà án nhân dân tối cao Trung Quốc thực hiện thành lập các toà chuyên trách về sở hữu trí tuệ, Toà án này có nhiệm vụ chuyên giải quyết các tranh chấp lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và hướng dẫn hệ thống các toà án địa phương về xét xử các vụ việc sở hữu trí tuệ. Từ đó, việc giải quyết tranh chấp trong quan hệ lợi ích sở hữu trí tuệ dần trở nên chuyên nghiệp hơn. Hiện nay, trong tất cả 31 tỉnh, thành của Trung Quốc đều có toà chuyên trách về sở hữu trí tuệ, một hệ thống toà thứ cấp đặt dưới sự chỉ đạo của Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành và khu tự trị. Hoạt động của hệ thống thiết chế chuyên biệt giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ này đang góp phần làm rành mạch hoá quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của Trung Quốc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Như vậy, với chiến lược và cách thực hiện chiến lược phù hợp, Trung Quốc đã có cách thích ứng riêng của mình về xây dựng và khai thác quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ phục vụ đắc lực cho hội nhập kinh tế quốc tế.

TTBD DBDC

3. Bài học kinh nghiệm về giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế

Để có thể xây dựng một hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ một cách độc lập tự chủ ứng phó với những quy tắc của thế giới về sở hữu trí tuệ đối với một quốc gia đang phát triển cần khai thác các kinh nghiệm như:

Thứ nhất, cần có sự thống nhất về nhận thức và hành dộng trong các giới chức và doanh nghiệp về vấn đề thực hiện lợi ích và bảo hộ lợi ích từ tài sản trí

tuệ. Nếu không có sự đồng thuận về quan điểm hành động trong giới chức cao nhất cho đến các cấp thừa hành thì khó có thể thực hiện được mục tiêu hoạch định về bảo hộ và khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ hai, cần thích ứng một cách linh hoạt trong ứng xử giải quyết các yêu Cầu về bảo hộ lợi ích cho các chủ thể nước ngoài trong điều kiện một quốc gia đang phát triển.

Thứ ba, ở tầm quốc gia cần có chiến lược tổng thể về vấn đề xây dựng và khai thác quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế mới có hy vọng khai thác được những lợi ích mà "luật chơi" thế giới đã được hoạch định.

Thứ tư, phải có một hệ thống thiết chế thực thi hoàn thiện và chuyên biệt. Quan hệ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế là vô cùng phức tạp, những tranh chấp xảy ra giữa các bên trong quan hệ lợi ích sở hữu trí tuệ lại càng phức tạp.

Tóm lại, quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế được hình thành một cách tất yếu trong điều kiện thế giới hiện nay. Trọng tâm vận động của quan hệ đó là xác lập lợi ích, qua đó mà thúc đẩy hệ thống sáng tạo khoa học - công nghệ, sáng tạo văn học - nghệ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại của một quốc gia. Vai trò của bảo hộ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ tác động đến các khía cạnh của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia như: thúc đẩy hoặc kìm hãm đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ, lưu chuyển của dòng hàng hoá, dịch vụ của một quốc gia vào hệ thống toàn cầu. Tuy nhiên, để có thể phát huy được vai trò đó, ứng với mỗi một quốc gia cần có những điều kiện nhất định và do đó, quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trì tuệ của mỗi nước phản ánh tính đặc thù về trình độ phát triển của quốc gia đó.

TTBD ĐBDC